HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28 /2020/NQ-HĐND	*Long An, ngày 08 tháng 12 năm 2020*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH LONG AN

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA IX – KỲ HỌP THỨ 24

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mực phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mực phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 228/TTr-UBND ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh về việc thông qua các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 1004/HĐND-KTNS ngày 05/11/2020 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An *(có quy định kèm theo).*

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa IX, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 08/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/12/2020./.

Nơi nhận:
- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. Quốc hội, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tài chính; KHĐT;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện,thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh (Phòng CTHĐND 02b);
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (TĐ). (20

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Được

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long An, ngày 08 tháng 12 năm 2020

QUY ĐỊNH VỀ CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 48 /2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh)

I. CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC SỬ DỤNG VỐN ĐẦU CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Thực hiện theo Điều 3, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

II. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRONG CÂN ĐỐI DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

1. Nguyên tắc phân bổ vốn

- Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển là cơ sở để xác định tỷ lệ điều tiết và số bổ sung cân đối của ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố được ổn định trong 05 năm của giai đoạn 2021 – 2025.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển kinh tế xã hội của các huyện, thị xã, thành phố trọng điểm, có số thu lớn, có tỷ lệ điều tiết cao về ngân sách tỉnh, với việc ưu tiên hỗ trợ các huyện khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

- Phân bổ vốn tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

- Các Chương trình, dự án được giao kế hoạch vốn đầu tư công phải đảm bảo đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật đầu tư công, đảm bảo thời gian bố trí vốn thực hiện (dự án nhóm A không quá 6 năm, nhóm B không quá 4 năm và nhóm C không quá 3 năm).

- Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án thuộc chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến

đổi khí hậu (sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, nước biển dâng,...), bảo đảm an ninh nguồn nước, giáo dục và đào tạo.

- Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025 do địa phương quản lý được thực hiện như sau:

+ Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có). Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành nhưng còn thiếu vốn, các dự án chuyển tiếp trong giai đoạn 2016-2020.

+ Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn).

+ Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

+ Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.

+ Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án, đảm bảo các dự án triển khai ngay khi bố trí vốn thực hiện.

+ Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

+ Phân bổ vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Các tiêu chí, định mức phân bổ vốn

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công trong cân đối (không bao gồm vốn từ nguồn sử dụng đất, xổ số kiến thiết) cho các huyện, thị xã, thành phố gồm 4 nhóm sau đây:

a) Tiêu chí dân số: số dân trung bình.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm vốn từ nguồn sử dụng đất, xổ số kiến thiết).

c) Tiêu chí diện tích, gồm: diện tích đất tự nhiên của các huyện, thị xã, thành phố và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã: bao gồm tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã; số xã biên giới của huyện, thị xã, thành phố.

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể

a) Tiêu chí dân số: cách tính cụ thể như sau:

Số dân trung bình	Điểm
Đến 30.000 người	10
Trên 30.000, cứ tăng thêm 10.000 người được thêm	1

Dân số trung bình của các huyện, thành phố để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2019.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm 2 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo, thu nội địa (theo chuẩn của tỉnh, không bao gồm vốn từ nguồn sử dụng đất, xổ số kiến thiết).

b.1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Đến 1% hộ nghèo	0.1
Trên 1% hộ nghèo, cứ tăng 1% hộ nghèo được tính thêm	1

Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn của tỉnh) được xác định căn cứ số liệu công bố của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội năm 2019.

b.2) Điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm vốn từ nguồn sử dụng đất, xổ số kiến thiết).

Thu nội địa	Điểm
Đến 30 tỷ đồng	4
Trên 30 tỷ đồng đến 60 tỷ đồng được tính thêm	3
Trên 60 tỷ đồng đến 90 tỷ đồng được tính thêm	2
Trên 90 tỷ đồng đến 120 tỷ đồng được tính thêm	1
Trên 120 tỷ đồng được tính thêm	0,5

Số thu nội địa (không bao gồm vốn từ nguồn sử dụng đất, xổ số kiến thiết) được tính điểm theo dự toán thu ngân sách năm 2020 do UBND tỉnh giao.

c) Tiêu chí diện tích, bao gồm 2 tiêu chí: diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên.

(1) Diện tích đất tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Các huyện, thị xã thành phố có diện tích đất tự nhiên đến 100 km^2	8
Trên 100 km^2 đến 250 km^2, địa phương có diện tích là 100 km^2 được tính là 8 điểm, cứ 50 km^2 tăng thêm được	4

tính thêm	
Trên 250 km^2 đến 400 km^2, địa phương có diện tích là 250 km^2 được tính là 20 điểm, cứ 50 km^2 tăng thêm được tính thêm	2
Trên 400 km^2, địa phương có diện tích là 400 km^2 được tính là 30 điểm cứ 50 km^2 tăng thêm được tính thêm	0,5

Diện tích đất tự nhiên để tính điểm căn cứ theo số liệu diện tích đất tự nhiên theo công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2019.

(2) Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên

Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên	**Điểm**
Các địa phương có tỷ lệ đất trồng lúa đến 10%	0,5
Trên 10% đến 50%	1
Trên 50% trở lên	2

Diện tích đất trồng lúa để tính điểm căn cứ trên diện tích đất trồng lúa theo số liệu công bố của Sở Tài Nguyên và Môi trường năm 2019.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm: tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã và xã biên giới.

(1) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

Đơn vị hành chính cấp xã	**Điểm**
Mỗi xã, phường, thị trấn được tính	0,5

Số đơn vị hành chính cấp xã để tính toán điểm căn cứ vào số liệu của Sở Nội vụ cung cấp về số đơn vị hành chính cấp xã hàng năm.

(2) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã biên giới

Đơn vị hành chính cấp xã biên giới	**Điểm**
Mỗi xã được tính	0,2

Số xã biên giới đất liền để tính toán điểm căn cứ vào Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

4. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thị xã, thành phố và tổng số điểm của 15 huyện, thị xã, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

- Điểm của tiêu chí dân số của huyện thứ i là A_i

- Điểm của tiêu chí trình độ phát triển

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo huyện thứ i là n_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm vốn từ nguồn sử dụng đất, xổ số kiến thiết) huyện thứ i là p_i.

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển tỉnh thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + p_i$$

- Điểm của tiêu chí diện tích

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i.

+ Gọi số điểm diện tích tự nhiên là m_i.

+ Gọi số điểm của tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích là l_i.

Điểm của tiêu chí diện tích là:

$$C_i = m_i + l_i$$

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã là D_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã chung huyện thứ i là s_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã biên giới huyện thứ i là v_i.

Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i sẽ là D_i:

$$D_i = s_i + v_i$$

Gọi tổng số điểm của huyện thứ i là X_i thì:

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

- Tổng số điểm của 15 huyện, thành phố là Y, ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{15} X_i$$

b) Số vốn phân bổ cho 1 điểm được tính theo công thức:

Gọi: K là tổng số vốn đầu tư công trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm vốn từ nguồn sử dụng đất, xổ số kiến thiết).

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn trong cân đối (không bao gồm vốn từ nguồn sử dụng đất, xổ số kiến thiết) của từng địa phương được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn trong cân đối (không bao gồm vốn từ nguồn sử dụng đất, xổ số kiến thiết):

$$V_i = Z \times X_i$$

5. Vốn đầu tư công trong cân đối nguồn ngân sách địa phương

- Kế hoạch vốn đầu tư công trong cân đối nguồn ngân sách địa phương (không bao gồm vốn từ nguồn sử dụng đất, xổ số kiến thiết) giai đoạn 2021-2025 được định hướng tính trên tốc độ tăng bình quân chung từ 10%, riêng năm 2021 được xây dựng phù hợp với định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2021; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của địa phương năm 2019, ước thực hiện năm 2020.

- Kế hoạch vốn đầu tư công các năm tiếp theo trong giai đoạn 2021-2025 xác định từng năm trên cơ sở tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương so với vốn đầu tư công năm 2021 (không bao gồm vốn từ nguồn sử dụng đất, xổ số kiến thiết).

III. TỶ LỆ PHÂN BỔ NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC CHO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

Căn cứ mức vốn Trung ương giao chỉ tiêu hàng năm, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ vốn cho cấp tỉnh và cấp huyện như sau:

- Đối với nguồn vốn chi đầu tư phát triển: Phân bổ 25% mức chi đầu tư phát triển vốn trong nước cho các huyện, thị, thành phố theo số điểm tiêu chí và 75% mức chi đầu tư phát triển vốn trong nước được phân bổ cho cho ngân sách cấp tỉnh để thực hiện hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các huyện, thị, thành phố và các nhiệm vụ đầu tư của tỉnh.
- Đối với nguồn vốn tiền sử dụng đất: Phân bổ 72% số thu từ sử dụng đất cho các huyện, thị xã, thành phố theo số điểm tiêu chí và 28% mức thu từ sử dụng đất được phân bổ cho cho ngân sách cấp tỉnh để thực hiện hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố và các nhiệm vụ đầu tư của tỉnh.
- Đối với nguồn vốn xổ số kiến thiết: Phân bổ 10% mức thu từ xổ số kiến thiết cho các huyện, thị xã, thành phố theo số điểm tiêu chí và 90% số thu từ xổ số kiến thiết được phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh để thực hiện hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố và các nhiệm vụ đầu tư của tỉnh.
- Ngoài mức vốn phân chia theo tỷ lệ nêu trên, UBND tỉnh có thể trình HĐND tỉnh giao bổ sung nguồn thu và nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp tỉnh hoặc ngân sách cấp huyện để phù hợp với khả năng thực hiện của từng cấp, từng đơn vị.

IV. CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH

1. Nguyên tắc chung về hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện để thực hiện các dự án

- Các dự án không thuộc tỉnh quản lý. Cụ thể: các dự án xây dựng đường giao thông, cầu, cống, công trình thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn, trường học, y tế, văn hóa thể thao, trụ sở cơ quan quản lý nhà nước... do cấp huyện quản lý theo phân cấp của ngành.

- Các dự án bố trí vốn phải trong quy hoạch được duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư theo Luật Đầu tư công.

2. Hỗ trợ giao thông huyện và nâng cấp đô thị

a. Nguyên tắc và đối tượng:

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành nhưng còn thiếu vốn, các dự án chuyển tiếp trong giai đoạn 2016-2020.

- Hỗ trợ giao thông dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 cho các huyện khó khăn (Vĩnh Hưng, Thủ Thừa, Tân Trụ, Tân Hưng, Châu Thành, Đức Huệ, Mộc Hóa, Thạnh Hóa, Tân Thạnh) theo hình thức hỗ trợ có mục tiêu, không phân bổ chi tiết danh mục dự án.

- Đối với các dự án thuộc chương trình đột phá của tỉnh do UBND cấp huyện làm chủ tư sẽ sử dụng vốn ngân sách tỉnh.

b. Mức đầu tư:

- Đối với các dự án đã hoàn thành nhưng còn thiếu vốn, các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025: mức hỗ trợ vốn theo chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với các dự án khởi công mới, ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ có mục tiêu (các huyện tự phân bổ danh mục chi tiết và báo cáo về tỉnh theo quy định) cho các huyện khó khăn nêu trên với mức hỗ trợ là 40 tỷ đồng/huyện/5 năm; cụ thể: mức vốn hỗ trợ cho huyện Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Thủ Thừa, Châu Thành, Tân Trụ và thị xã Kiến Tường là 27 tỷ đồng/huyện/5 năm; mức vốn hỗ trợ cho huyện Mộc Hóa, Tân Thạnh, Thạnh Hóa, Đức Huệ là 40 tỷ đồng.

3. Hỗ trợ đầu tư về giáo dục, đào tạo và dạy nghề

2.1. Hỗ trợ cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục phổ thông mới kết hợp xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025

a. Nguyên tắc, đối tượng:

- Các trường tiểu học, trung học cơ sở công lập theo Chương trình Hỗ trợ cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục phổ thông mới kết hợp xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.

- Xây dựng các phòng học, phòng chức năng, hành chính, thực hành, mua sắm các bộ bàn ghế, âm thanh di động, máy tính, thiết bị ti vi tương tác, thiết bị ngoài trời, thiết bị thể dục, tủ đựng thiết bị, ti vi thông minh, thiết bị thực hành lý, hóa, sinh, công nghệ, thiết bị dạy học.

b. Mức vốn đầu tư: Mức vốn hỗ trợ thực hiện theo lộ trình đầu tư đã được duyệt của Chương trình.

2.2 Đầu tư phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2021- 2025

a. Nguyên tắc, đối tượng:

- Các trường mầm non trên địa bàn tỉnh theo Chương trình Đầu tư phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2021- 2025.

- Xây dựng các phòng học, phòng chức năng, hành chính, bảo vệ, mua sắm các bộ đồ chơi trong lớp và ngoài trời.

b. Mức vốn đầu tư: Mức vốn hỗ trợ thực hiện theo lộ trình đầu tư đã được duyệt của Chương trình.

2.3. Đề án Xây dựng nhà ở công vụ giáo viên giai đoạn 2021 – 2025.

a. Nguyên tắc, đối tượng:

- Các trường từ cơ sở giáo dục mầm non đến các cấp học phổ thông trong toàn tỉnh theo Chương trình Xây dựng nhà ở công vụ giáo viên giai đoạn 2021 – 2025.

- Xây dựng các phòng nghỉ giáo viên cho các trường.

b. Mức vốn đầu tư: Mức vốn hỗ trợ thực hiện theo lộ trình đầu tư đã được duyệt của Chương trình.

4. Các dự án thuộc ngành y tế

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành nhưng còn thiếu vốn, các dự án chuyển tiếp trong giai đoạn 2016-2020.

- Xây dựng trạm y tế cấp xã, bao gồm mua sắm trang thiết bị.

b. Mức vốn đầu tư: Theo suất đầu tư, quy mô, mức vốn hỗ trợ được duyệt phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng các trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành nhưng còn thiếu vốn, các dự án chuyển tiếp trong giai đoạn 2016-2020 theo lộ trình đầu tư được duyệt.

- Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa nhà làm việc chính, nhà làm việc cơ quan Đảng, nhà ăn, nhà khách, nhà làm việc công an, quân sự, nhà ở cho

lực lượng thường trực bảo vệ biên giới (nếu có), thiết bị, hàng rào, cổng, nhà xe, sân đường và thoát nước.

b. Mức vốn đầu tư:

- Đối với các dự án chuyển tiếp: Đầu tư vốn theo lộ trình đầu tư đã được duyệt.

- Đối với dự án khởi công mới: Theo suất đầu tư, quy mô, mức vốn hỗ trợ được duyệt phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

6. Hỗ trợ xây dựng các Trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện, xã, nhà thiếu nhi cấp huyện

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện, xã, phường, thị trấn: hỗ trợ đầu tư khối nhà chính, nhà thi đấu đa năng, hàng rào, sân đường.

- Bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành nhưng còn thiếu vốn, các dự án chuyển tiếp trong giai đoạn 2016-2020, các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 thật sự cần thiết.

b. Mức vốn đầu tư:

- Trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện: theo suất đầu tư, quy mô, mức vốn hỗ trợ được duyệt phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

- Mức hỗ trợ tối đa cho 01 Trung tâm văn hóa, thể thao xã, phường, thị trấn xây dựng mới là 3,5 tỷ đồng/trung tâm. Phần còn lại là đối ứng của ngân sách cấp huyện.

7. Hỗ trợ xây dựng các dự án cấp nước nông thôn

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Xây dựng giếng khoan, bể chứa, đường ống, đài nước, cụm lọc, điện, chiếu sáng, các thiết bị có liên quan để dự án hoạt động.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành nhưng còn thiếu vốn, các dự án chuyển tiếp trong giai đoạn 2016-2020.

b. Mức vốn đầu tư:

- Đầu tư theo suất đầu tư và theo quy mô phù hợp khả năng cân đối ngân sách. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư cho các trạm cấp nước ở xã biên giới, các trạm cấp nước còn lại hỗ trợ 60%.

- Phần còn lại là ngân sách huyện và nhân dân đóng góp.

8. Đầu tư, nâng cấp các nghĩa trang liệt sĩ cấp huyện, liên huyện

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Nghĩa trang liệt sĩ cấp huyện, liên huyện: Đầu tư, nâng cấp, cải tạo tượng đài, mộ bia, sân đường, thoát nước, đèn điện chiếu sáng.

b. Mức vốn đầu tư:

- Mức vốn đầu tư theo suất đầu tư, quy mô, mức vốn hỗ trợ được duyệt phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

- Phần còn lại là đối ứng ngân sách cấp huyện.

9. Đầu tư các xã để đạt chuẩn nông thôn mới:

a. Nguyên tác tiêu chí được thực hiện theo tiêu chí phân bổ vốn nông thôn mới.

b. Mức vốn đầu tư:

- Sử dụng 10% tổng vốn xổ số kiến thiết trong dự toán đầu năm. Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện.

- Phần còn lại là ngân sách huyện và nhân dân đóng góp.

10. Đầu tư có mục tiêu cho các dự án cấp bách mà ngân sách huyện, thị xã, thành phố không cân đối được hoặc cân đối được một phần nhưng cần thiết phải đầu tư để thúc đẩy phát triển

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Các công trình, dự án do huyện, thị xã, thành phố quản lý được lãnh đạo tỉnh yêu cầu bố trí vốn đầu tư hàng năm.

- Dự án có trong quy hoạch được phê duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư.

b. Mức vốn đầu tư:

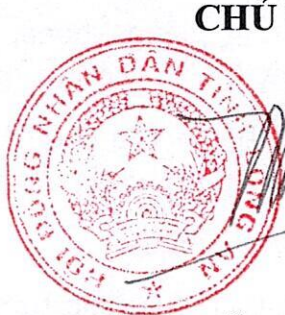
- Không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

- Ngoài ra, đối với công trình bức xúc cần sự đầu tư của tỉnh để thúc đẩy phát triển thì Chủ tịch UBND tỉnh xem xét tỷ lệ hỗ trợ cụ thể.

11. Đầu tư các chương trình, dự án khác

Trong giai đoạn 2021-2025 nếu phát sinh nhu cầu đầu tư cần sử dụng vốn hỗ trợ của ngân sách tỉnh sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở cân đối được ngân sách và được sự đồng ý của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Được